

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 157, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 27/2020/TLST-DS, ngày 28 tháng 7 năm 2020 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn vắng mặt tại phiên hòa giải tuy nhiên đã có văn bản số: 47/UBND-TNMT ngày 14/01/2021 với nội dung nhất trí với những nội dung các đương sự đã thỏa thuận theo biên bản hòa giải thành.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Giàng Á P – Sinh năm: 1966

* Bị đơn: Ông Trang Á S – Sinh năm: 1953

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Giàng Thị M – Sinh năm: 1968.

- Anh Trang Á D

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

- Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo ủy quyền:
Ông Phạm Minh T – Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện P.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nguyên đơn ông Giàng Á P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Giàng Thị M được quyền sử dụng thửa đất tranh chấp số 4 có diện tích 390,7m².

2.2. Bị đơn ông Trang Á S được quyền sử dụng phần đất tranh chấp còn lại có tổng diện tích 726,9m² gồm các thửa đất: thửa số 1 diện tích 73,3m², thửa số 2 diện tích 291,2m², thửa số 3 diện tích 362,4m².

(Các thửa đất được xác định theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn có sơ đồ và tọa độ các mốc giới kèm theo quyết định này)

2.3. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 885148 ngày 24/5/2019 cấp cho ông Trang Á S theo như thỏa thuận giữa các đương sự.

2.4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng):

- Nguyên đơn tự nguyện chịu 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ số tiền trên.

- Bị đơn tự nguyện chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ do đó bị đơn ông Trang Á S có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Giàng Á P số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Việc thi hành án dân sự đối với số tiền chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.5. Về án phí: Nguyên đơn ông Giàng Á P tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông được trả lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 00952 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Cục THADS tỉnh Bắc Kạn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hoa